

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành Văn bản Quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 03 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 30/3/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, các thành viên Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan Trung ương đóng tại tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban ĐKKT TW (HN, TPHCM);
- Bộ Nội vụ;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT.TU, TT.HĐND;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các Đoàn thể;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: TH, KT, VX, XDCCB, NV, NC, QT, HC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Hiếu



Sóc Trăng ngày 25 tháng 3 năm 2015

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng
(Kèm theo Quyết định số: 12 /2015/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Nội dung, hình thức tổ chức các phong trào thi đua, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; các hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền quyết định, trao tặng khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Công dân Việt Nam, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam, có thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh Sóc Trăng được xét khen thưởng theo quy định này và các văn bản có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua

Nguyên tắc thi đua thực hiện theo quy định Luật Thi đua, Khen thưởng; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005 và ngày 16/11/2013; Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng (gọi tắt là Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP). Ngoài ra còn phải đảm bảo nội dung sau:

Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào kết quả thực hiện nội dung thi đua của tập thể, cá nhân đã đăng ký tham gia phong trào thi đua. Những trường hợp không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua. Để đạt các danh hiệu thi đua, các tập thể và cá nhân phải đăng ký khối lượng và chất lượng công việc phấn đấu

hoàn thành; thời điểm đăng ký trước ngày 20/02 hàng năm; riêng ngành giáo dục đăng ký trước ngày 10/10 hàng năm, tại hội nghị tổng kết năm.

2. Nguyên tắc khen thưởng

Nguyên tắc khen thưởng thực hiện theo quy định Luật Thi đua, Khen thưởng; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005 và ngày 16/11/2013; Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP. Ngoài ra còn phải đảm bảo các nội dung như sau:

a) Việc xét khen thưởng phải trên cơ sở đánh giá đúng hiệu quả công tác của các tập thể và cá nhân, kết hợp với việc phân loại đánh giá cán bộ, công chức, viên chức khi tổng kết năm theo quy định Luật Cán bộ, Công chức và Luật Viên chức; thành tích ở mức nào khen thưởng ở mức đó; chú trọng khen thưởng cho các cá nhân, đơn vị trong điều kiện thực hiện nhiệm vụ khó khăn nhưng năng động, sáng tạo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; quan tâm khen thưởng cho tập thể nhỏ và cá nhân là chính, cơ quan có thẩm quyền trực tiếp quản lý tập thể nhỏ, cá nhân cần xem xét quyết định khen thưởng kịp thời;

b) Trong một năm, không trình hai hình thức khen thưởng cấp tỉnh cho cùng một tập thể (Cờ thi đua, Bằng khen), một cá nhân (Bằng khen) hoặc hai hình thức khen thưởng bậc cao cấp nhà nước cho cùng một tập thể, một cá nhân (trừ khen thưởng đột xuất); các hình thức khen thưởng bậc cao cấp nhà nước như sau: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân, Huy chương các loại, danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc và danh hiệu Anh hùng Lao động;

c) Khi bình xét khen thưởng từ Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trở lên, Hội đồng Thi đua, Khen thưởng các cấp, các ngành, địa phương đến cấp tỉnh phải tiến hành bỏ phiếu kín, kết quả đạt từ 90% trở lên mới lập thủ tục, hồ sơ đề nghị lên cấp trên xét khen thưởng.

Điều 4. Những trường hợp không xét thi đua, khen thưởng

1. Tập thể, cá nhân không đăng ký thi đua;
2. Công chức, viên chức, người lao động mới tuyển dụng dưới 10 tháng;
3. Cơ quan, đơn vị mới thành lập, thời gian hoạt động chưa đủ một năm (12 tháng);
4. Trong một năm nếu nghỉ việc trên 40 ngày làm việc trở lên (trừ trường hợp nữ nghỉ thai sản theo chế độ quy định của nhà nước và những người có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản, những người trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ quan y tế);
5. Những tập thể, cá nhân bị xử phạt hành chính, trong thời gian đang chờ xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên;
6. Đơn vị, địa phương có lãnh đạo chủ chốt (Bí thư Chi bộ, Đảng bộ; Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng) bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên thì không

xét tặng các danh hiệu thi đua, khen thưởng cho tập thể đơn vị nhưng tập thể trực thuộc vẫn được tham gia xét tặng các danh hiệu thi đua, khen thưởng.

7. Không xét tặng Bằng khen thành tích đột xuất cho những cá nhân không thuộc đối tượng và trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 19 của quy định này.

Điều 5. Xét tặng các danh hiệu thi đua, khen thưởng đối với những trường hợp được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, chuyển chuyên công tác, nghỉ thai sản

1. Các trường hợp đi học, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì kết hợp với thời gian công tác ở cơ quan, đơn vị để Hội đồng Thi đua, Khen thưởng cơ quan, đơn vị bình xét danh hiệu Lao động tiên tiến. Các trường hợp đi đào tạo từ 01 năm trở lên có kết quả học tập từ loại khá trở lên (có giấy xác nhận) thì năm đó được xếp danh hiệu Lao động tiên tiến, để làm căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua, khen thưởng khác.

2. Đối với cá nhân chuyển chuyên công tác thì đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu Lao động tiên tiến trên cơ sở có ý kiến nhận xét của đơn vị cũ (đối với trường hợp có thời gian công tác ở đơn vị cũ từ 06 tháng trở lên).

3. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu Lao động tiên tiến.

Điều 6. Hình thức tổ chức thi đua

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và Điều 2 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 (gọi tắt là Thông tư số 07/2014/TT-BNV).

Điều 7. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

Điều 8. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trên địa bàn tỉnh. Thủ trưởng các sở, ban, ngành,

các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm chỉ đạo và chủ trì phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị cùng cấp tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong ngành, địa phương mình quản lý. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng có trách nhiệm tư vấn giúp thủ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức phát động các phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng trong phạm vi ngành, địa phương; nghiên cứu, đề xuất phương pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm như sau:

a) Tổ chức và phối hợp với các cơ quan nhà nước để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến;

b) Phối hợp, thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, tham gia với các cơ quan chức năng để tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng;

c) Giám sát việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP và Quy định này.

3. Các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; phát hiện phổ biến các trường hợp gương điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Chương II

TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 9. Danh hiệu Lao động tiên tiến

Thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 và Điều 5 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

Điều 10. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP và Điều 5 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

Điều 11. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh

1. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh được xét tặng hàng năm cho các cá nhân đạt 02 tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc, lựa chọn trong số những cá nhân 03 lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

b) Có sáng kiến, cải tiến khoa học kỹ thuật, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu có tác dụng ảnh hưởng đối với toàn ngành hoặc toàn tỉnh.

2. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, cải tiến khoa học kỹ thuật, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh do Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp tỉnh xét duyệt, công nhận và phải đảm bảo 5 điều kiện sau:

a) Tên đề tài sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, áp dụng công nghệ mới hoặc giải pháp công tác hiệu quả cao;

b) Thời gian thực hiện đề tài;

c) Quá trình hoạt động và áp dụng thực hiện đề tài;

d) Hiệu quả của những sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học và ứng dụng khoa học kỹ thuật xuất sắc, đem lại hiệu quả kinh tế và ý nghĩa chính trị, xã hội nhất định đối với đơn vị, địa phương;

e) Mức độ ảnh hưởng, phạm vi áp dụng đề tài.

Điều 12. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

Điều 13. Danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến, Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị quyết thắng

Các danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động xuất sắc được thực hiện theo quy định tại các Điều 27 và Điều 28 Luật Thi đua, Khen thưởng; Điều 17 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư số 07/2014/TT-BNV. Cụ thể, danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị quyết thắng được xét tặng cho các đơn vị sau đây:

1. Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: doanh nghiệp, hợp tác xã ... (trừ các tập đoàn kinh tế, tổng công ty) và các đơn vị trực thuộc xí nghiệp, phòng, phân xưởng.

2. Đối với cấp tỉnh gồm: các phòng, ban và tương đương trực thuộc sở, ban ngành, đoàn thể, cơ quan cấp tỉnh và tương đương.

3. Đối với cơ quan cấp huyện gồm: các phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Công an xã; Ban Chỉ huy Quân sự xã, phường, thị trấn.

4. Đối với các đơn vị sự nghiệp gồm: Trường học, Bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng và tương đương.

Điều 14. Cờ thi đua của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Phạm vi xét tặng: Cờ thi đua của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng hàng năm cho các đơn vị dẫn đầu cụm hoặc khối thi đua các ngành, các địa phương.

2. Tiêu chuẩn xét tặng: Việc xét tặng Cờ thi đua của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện trên cơ sở tổng kết phong trào thi đua hàng năm của các cụm, khối thi đua, có ký kết giao ước thi đua, có xây dựng quy chế hoạt động bình xét, chấm điểm thi đua, để chọn ra đơn vị dẫn đầu cụm, khối thi đua. Các đơn vị được suy tôn đề nghị tặng Cờ thi đua của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, Khen thưởng.

3. Việc phân chia cụm, khối thi đua thuộc tỉnh, huyện, thị xã, thành phố và phân bổ số lượng cờ thi đua cho các cụm, khối thi đua phải đảm bảo hợp lý, thống nhất và tương quan, hài hòa giữa các ngành, các địa phương, đơn vị. Số lượng cụm, khối thi đua và bình xét thi đua cụm, khối thực hiện theo Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 22/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

4. Đối với phong trào Toàn dân bảo vệ An ninh tổ quốc, mỗi năm xét tặng 03 Cờ thi đua cho 03 Khối (trong đó khối xã 01 Cờ; phường, thị trấn 01 Cờ và Khối doanh nghiệp cơ sở 01 Cờ).

Điều 15. Cờ thi đua của Chính phủ

Cờ thi đua của Chính phủ thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 16 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP; Điều 6 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

Điều 16. Danh hiệu Gia đình văn hóa, Ấp, Khóm, Tổ dân phố văn hóa, xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; thị trấn, phường đạt chuẩn văn minh đô thị

Danh hiệu Gia đình văn hoá, Ấp, Khóm, Tổ dân phố văn hoá, xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; thị trấn, phường đạt chuẩn văn minh đô thị được xét tặng hàng năm cho các hộ gia đình, các cơ quan, đơn vị địa phương, doanh nghiệp, tổ dân phố đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 29, Điều 30 Luật Thi đua, Khen thưởng; Điều 18 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP; Điều 8 Thông tư số 07/2014/TT-BNV và theo hướng dẫn của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Ủy ban Trung ương Mật trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Điều 17. Tỷ lệ xét khen thưởng

1. Danh hiệu thi đua

a) Danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc: không quá 50% tập thể đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến;

b) Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở: các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ vào thực tế phong trào thi đua, kết quả hoàn thành nhiệm vụ, số lượng danh hiệu Lao động tiên tiến và chất lượng những đề tài, sáng kiến của các cá nhân được ứng dụng thật sự mang lại hiệu quả cao cho đơn vị để xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở nhưng tối đa không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến có trong cơ quan, đơn vị, địa phương;

c) Khi tính tỉ lệ danh hiệu thi đua, nếu có số lẻ từ 0,5 trở lên thì được làm tròn thành 01 (một).

2. Hình thức khen thưởng

a) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Đối với cá nhân: Không quá 50% số cá nhân 02 năm liên tục được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

- Đối với tập thể: Không quá 50% số tập thể 02 năm liên tục được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

b) Khi tính tỷ lệ hình thức khen thưởng, nếu có số lẻ từ 0,5 trở lên thì được làm tròn thành 01 (một); Trường hợp cơ quan, đơn vị chỉ có 01 tập thể thì không tính tỷ lệ.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 18. Giấy khen

1. Giấy khen để tặng thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương người tốt, việc tốt, có thành tích cao trong các đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề; khen thưởng cho các tập thể, cá nhân ngoài địa phương, đơn vị có nhiều đóng góp cho địa phương, đơn vị. Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho các tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề hoặc hoàn thành một hạng mục công trình và do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp xem xét, quyết định.

Ngoài hình thức khen thưởng đột xuất, khen thưởng chuyên đề nêu trên, vào dịp tổng kết công tác năm, việc xét tặng Giấy khen cho các tập thể, cá nhân thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 74 Luật Thi đua, Khen thưởng, Khoản 41 và Khoản 42 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 và Điều 50 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

2. Đối với nông dân sản xuất kinh doanh giỏi

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn phối hợp với Hội Nông dân cùng cấp ở mỗi địa phương chọn nông dân tiêu biểu xuất sắc hàng năm để tặng Giấy khen.

3. Giấy khen để tặng cho gia đình

Giấy khen tặng cho gia đình thực hiện theo Điều 25 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP và Điều 16 Thông tư số 07/2014/TT-BNV. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn căn cứ vào tình hình thực tế quy định mức đóng góp của gia đình để khen thưởng cho phù hợp.

Điều 19. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Khen thưởng thành tích đột xuất: thành tích đột xuất là thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc bình thường mà tập thể, cá nhân phải đảm nhận, gồm các trường hợp sau:

a) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho các tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất mưu trí, dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương người tốt, việc tốt.

b) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho các tập thể, cá nhân đạt thành tích rõ ràng trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp quốc gia (khu vực, vùng, miền) do Trung ương tổ chức với giải Nhất, Nhì, Ba và giải Nhất trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp tỉnh.

c) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị tương đương từ 300 triệu đồng trở lên.

d) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng cho cá nhân, tổ chức ngoài tỉnh và nước ngoài có công lao đóng góp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội của tỉnh.

2. Khen thưởng theo chuyên đề (theo đợt hoặc giai đoạn): Việc khen thưởng cho tập thể hoặc cá nhân tham gia thi đua theo đợt (chuyên đề) chủ yếu do thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì phát động thi đua, theo dõi và trực tiếp quyết định khen thưởng theo kế hoạch và thẩm quyền, không trình lên cấp trên xét khen thưởng, trừ những trường hợp điển hình tiên tiến đặc biệt xuất sắc, điển hình nhất.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ khen thưởng cho các tập thể và cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động khi tiến hành tổng kết 05 năm trở lên.

Trong cùng một thành tích, nếu đã đề nghị khen thưởng cho các tập thể thì không đề nghị khen thưởng các đơn vị trực thuộc của tập thể đó và ngược lại.

3. Khen thưởng theo công trạng (Khen thưởng tổng kết năm):

a) Đối với cá nhân: Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp

luật của Nhà nước có 02 năm liên tục được cơ quan đánh giá xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

b) Đối với tập thể: Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và có 2 năm liên tục được cơ quan đánh giá xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

4. Khen thưởng cho học sinh đạt kết quả xuất sắc và giáo viên trực tiếp hướng dẫn

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho các học sinh, sinh viên đạt kết quả giỏi toàn cấp như sau:

- Học sinh cấp Trung học cơ sở và cấp Trung học phổ thông: cuối năm học cuối cấp, mỗi trường chọn 01 học sinh tiêu biểu xuất sắc nhất cả cấp học đề nghị khen thưởng. Riêng trường Trung học phổ thông Chuyên chọn 03 học sinh tiêu biểu xuất sắc nhất đề nghị khen thưởng.

- Học sinh đạt giải Nhất ở kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh hàng năm do Sở Giáo dục - Đào tạo tỉnh Sóc Trăng tổ chức theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Học sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba ở các kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

- Học sinh đạt giải Nhất ở các kỳ thi học sinh giỏi cấp khu vực.

- Học sinh thi đỗ trong các kỳ thi tuyển sinh vào các trường đại học hàng năm đạt điểm bình quân từ 8 điểm trở lên cho một môn thi (không tính hệ số).

- Sinh viên, học viên các trường Đại học, Trường Cao đẳng Sư phạm Sóc Trăng, Cao đẳng cộng đồng Sóc Trăng, Cao đẳng Nghề Sóc Trăng, các Trường Trung cấp chuyên nghiệp, Trung cấp Nghề trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng: hàng năm, mỗi khoa chọn 01 sinh viên, học viên giỏi nhất đề nghị xem xét khen thưởng.

b) Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen cho giáo viên trực tiếp hướng dẫn các học sinh đạt giải Nhất ở các kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh; không quá 02 giáo viên trực tiếp hướng dẫn các học sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba ở các kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa cấp quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các kỳ thi quốc tế dành cho học sinh.

5. Đối với công nhân, nông dân, người lao động:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua hoặc lập được thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất.

b) Có nhiều thành tích, sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã.

c) Nông dân có mô hình sản xuất kinh doanh giỏi và ổn định, được tặng ít nhất 02 Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trong thời gian xét khen thưởng.

6. Đối với việc khen thưởng phong trào thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; giảm nghèo bền vững; phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa thực hiện theo quy định của bộ, ngành Trung ương.

Điều 20. Xét đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân, Huy chương các hạng, Kỷ niệm chương, các danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh

Các hình thức và tiêu chuẩn xét đề nghị tặng thưởng Kỷ niệm chương của các Bộ, ngành Trung ương; Bằng khen của Thủ tướng chính phủ; các loại Huân, Huy chương các hạng; các danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Nhà nước; Giải thưởng Hồ Chí Minh thực hiện theo các điều khoản theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; Nghị định số 42/2010/NĐ-CP; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP; Thông tư số 07/2014/TT-BNV và các văn bản hướng dẫn của Trung ương.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG, THỜI GIAN GỬI HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 21. Thẩm quyền quyết định công nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

Thực hiện theo Điều 77, 78, 80, 81 Luật Thi đua, Khen thưởng; Khoản 45 và Khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; Điều 26 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP; Điều 6 Thông tư số 07/2014/TT-BNV và các quy định dưới đây:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có thẩm quyền quyết định tặng thưởng Cờ thi đua của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, danh hiệu Đơn vị quyết thắng.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương có thẩm quyền quyết định tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến, Tập thể lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố có thẩm quyền quyết định tặng Giấy khen; công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến; Chiến sĩ thi đua cơ sở, Chiến sĩ tiên tiến; danh hiệu ấp, khóm, tổ dân phố văn hóa; xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; thị trấn, phường đạt chuẩn văn minh đô thị.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có thẩm quyền quyết định tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu Gia đình văn hóa, danh hiệu Lao động tiên tiến đối với cán bộ, công chức, công nhân, nông dân, người lao động thuộc quyền quản lý của xã, phường, thị trấn và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

5. Các đơn vị sự nghiệp được quyết định tặng giấy khen và công nhận danh hiệu lao động tiên tiến đối với tập thể, cá nhân thuộc đơn vị mình theo quy định của pháp luật.

6. Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần có thẩm quyền quyết định tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở cho các tập thể, cá nhân thuộc đơn vị.

7. Chủ nhiệm hợp tác xã trực tiếp quản lý xã viên, người lao động làm việc tại các cơ sở hợp tác xã: nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vận tải, dịch vụ, thương mại..., xét quyết định tặng giấy khen, danh hiệu Lao động tiên tiến và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố xét công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, Tập thể lao động tiên tiến đối với xã viên, người lao động và các đơn vị trực thuộc.

Điều 22. Tuyến trình khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, cụ thể: Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý và theo Điều 20 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

2. Đối với khen thưởng đại biểu Quốc hội chuyên trách, Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được thực hiện theo quy định như sau:

a) Đại biểu Quốc hội chuyên trách, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách, tập thể Hội đồng nhân dân tỉnh do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp hồ sơ, thủ tục trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách, tập thể Hội đồng nhân dân huyện, thị xã, thành phố do Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tổng hợp hồ sơ, thủ tục trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

c) Đại biểu và tập thể Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn do Thường trực Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn tổng hợp hồ sơ, thủ tục đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Đối với những đơn vị có nhiều đóng góp cho ngân sách nhà nước trình các hình thức khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trở lên, Sở Nội vụ có trách nhiệm lấy ý kiến Cục Thuế tỉnh xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

4. Đối với những đơn vị thuộc Trung ương đang hoạt động trên địa bàn tỉnh chỉ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng đột xuất và các chuyên đề do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động, không trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng theo công trạng (khen thưởng tổng kết năm) và danh hiệu thi đua; việc trình khen các hình thức khen thưởng cao hơn thực hiện theo quy định.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng cho các đối tượng sau: Liên đoàn Lao động cấp huyện; Công đoàn ngành cấp tỉnh, Công đoàn viên chức cấp tỉnh; Công đoàn khu công nghiệp.

Điều 23. Thẩm quyền xét duyệt, cho ý kiến hồ sơ khen thưởng

1. Đối với các tập thể hoặc cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý: Thực hiện theo quy định phân cấp hiện hành của Tỉnh ủy.

2. Đối với các trường hợp không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến đối với các hình thức khen thưởng: Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập (các hạng), danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ nhân nhân dân, danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc, danh hiệu Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

3. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh thẩm định hồ sơ khen thưởng từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

4. Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh (Sở Nội vụ):

a) Thẩm định hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng: Cờ thi đua của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, danh hiệu Đơn vị quyết thắng, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các trường hợp Bộ, ngành Trung ương đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hiệp ý để trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

c) Hiệp ý các trường hợp sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh đề nghị Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương khen thưởng.

5. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng các cấp được thành lập để thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng và do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thành lập. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng hoạt động theo quy chế và theo quy định của pháp luật. Căn cứ tình hình thực tế, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định số lượng thành viên Hội đồng; trong đó thủ trưởng cơ quan, đơn vị là Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng gồm một trong số các đại diện và lãnh đạo cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng, đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, tổ chức công đoàn; các thành viên gồm đại diện tổ chức đảng, đoàn thể, một số lĩnh vực chuyên môn cần thiết của cơ quan, đơn vị.

Hội đồng Thi đua, Khen thưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp chịu trách nhiệm thẩm định, xét duyệt hồ sơ thuộc thẩm quyền của thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Lãnh đạo các doanh nghiệp quyết định khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

Điều 24. Quản lý lưu trữ hồ sơ khen thưởng

1. Các đơn vị, địa phương có trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng của các tập thể, cá nhân thuộc đơn vị, địa phương mình để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo hoặc xác nhận khen thưởng khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định Luật Lưu trữ và Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND ngày 22/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng Ban hành Quy định về công tác Văn thư, Lưu trữ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 25. Quy định thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Đối với khen thưởng theo công trạng (khen thưởng tổng kết năm) thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng tỉnh (Sở Nội vụ) trước ngày 28/02 năm sau. Riêng ngành giáo dục và đào tạo gửi trước ngày 30/7 hàng năm.

2. Đối với khen thưởng đột xuất, khen thưởng theo chuyên đề: Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng tỉnh (Sở Nội vụ) trước ngày dự kiến trao thưởng ít nhất 03 ngày làm việc.

3. Đối với các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước: Cờ thi đua của Chính phủ, danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Huân chương Lao động (các hạng), Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, hồ sơ gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng tỉnh (Sở Nội vụ) theo 02 đợt:

a) Đợt 1: Trình hồ sơ đề nghị khen thưởng thành tích kinh tế - xã hội, hồ sơ gửi về Sở Nội vụ trước ngày 31/3 hàng năm. Riêng Chiến sĩ thi đua toàn quốc gửi trước ngày 28/02 và chỉ trình một đợt (đây là đợt khen chính trong năm).

b) Đợt 2: Trình hồ sơ khen thưởng của ngành giáo dục và đào tạo, khen thưởng theo chuyên đề và các hình thức khen thưởng đặc thù khác, hồ sơ gửi về Sở Nội vụ từ tháng 06 đến trước ngày 30/7 hàng năm.

Điều 26. Nghi lễ tổ chức trao tặng và đón nhận các phần thưởng cao quý của Đảng, Nhà nước

Thực hiện theo Quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ về tổ chức ngày lễ kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón tiếp khách nước ngoài.

Chương V

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; MỨC THƯỞNG VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 27. Nguồn và mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng

Nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP; Điều 3 và Điều 5 Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

Điều 28. Nội dung chi thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và theo quy định sau đây:

1. Chi cho in ấn giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, làm huy hiệu Chiến sĩ thi đua, cờ thi đua, khung bằng khen, giấy khen, hộp đựng huy hiệu chiến sĩ thi đua.

2. Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các cá nhân, tập thể.

3. Chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua: Mức trích không quá 20% trong tổng lập Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi theo đúng quy định hiện hành.

Điều 29. Nguyên tắc chi tiền thưởng từ Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh do Sở Nội vụ quản lý; Quỹ thi đua, khen thưởng của các ngành, đơn vị, địa phương do thủ trưởng đơn vị, địa phương quản lý; nguồn trích, tỷ lệ và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch chi trong năm. Việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng đối tượng và mức thưởng theo quy định.

2. Về tiền thưởng kèm theo danh hiệu thi đua hoặc các hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 69 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, cấp nào có thẩm quyền công nhận danh hiệu thi đua hoặc quyết định khen thưởng (trừ khen thưởng cấp Nhà nước) thì cấp đó chịu trách nhiệm chi tiền thưởng do cấp mình quản lý. Riêng tiền thưởng kèm theo các quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ do Sở Nội vụ chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

3. Đối với các doanh nghiệp: Căn cứ nguồn Quỹ thi đua, khen thưởng của đơn vị, doanh nghiệp ban hành quy định riêng về mức thưởng kèm theo danh hiệu thi đua và các hình thức khen, nhưng không thấp hơn mức thưởng quy định tại các Điều 71, 75, 76, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP. Tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua hoặc các hình thức khen thưởng cho các tập thể và các cá nhân thuộc các doanh nghiệp sẽ được chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng của doanh nghiệp, trừ hình thức khen thưởng đột xuất.

4. Khen thưởng các chuyên đề (theo đợt), các chương trình mục tiêu, hội thi, hội diễn, do đơn vị chủ trì dự toán nguồn kinh phí hoạt động riêng, khi đề nghị khen thưởng sử dụng nguồn kinh phí đó để chi thưởng theo quy định.

5. Đối với tập thể, cá nhân ở ngoài tỉnh, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, tập thể người nước ngoài, các nhà từ thiện, tổ chức, cá nhân đóng góp hỗ trợ cho tỉnh được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì kèm theo tặng phẩm lưu niệm có giá trị bằng mức tiền thưởng tương ứng theo quy định của pháp luật, trường hợp đặc biệt, tặng phẩm lưu niệm có giá trị cao hơn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

6. Các trường hợp khen thưởng đột xuất gương người tốt, việc tốt, hành động dũng cảm, đạt giải Nhất trong các hội thi, hội diễn quốc tế tùy theo thành tích và phạm vi tác dụng nêu gương và khả năng Quỹ thi đua, khen thưởng để khen thưởng động viên, khuyến khích cho từng trường hợp, nhưng không quá hai lần mức thưởng theo quy định. Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

7. Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, cùng một tập thể hoặc cá nhân được khen thưởng, nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì chỉ nhận mức tiền thưởng cao nhất.

8. Trong cùng một thời điểm, một tập thể hoặc cá nhân đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua khác nhau.

9. Trong cùng một thời điểm, một tập thể hoặc cá nhân vừa đạt danh hiệu thi đua, vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của cả hình thức khen thưởng.

Điều 30. Mức tiền thưởng

1. Cách tính tiền thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 70 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Tiền thưởng cho tập thể, cá nhân được khen thưởng được tính trên cơ sở mức lương tối thiểu chung do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định công nhận các danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước hoặc quyết định khen thưởng.

b) Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương tối thiểu chung được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

2. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 71, 72, 73, 75, 76 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 31. Quy định này thay thế các nội dung Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 30/3/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 32. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này. Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng và Quy định này để xây dựng Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

Điều 33. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các ngành, các cấp thực hiện Quy định này và theo dõi tổng hợp những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện để trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Hiếu